

Số: 1309/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện Chiến lược ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng, Chủ tịch Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc các doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng (đề b/c);
- Thống đốc và các Phó Thống đốc (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Đảng ủy Cơ quan NHTW;
- Lưu: VP NHNN, VCL. *ccp*

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Nguyễn Kim Anh



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH
HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-NHNN ngày 24/7/2020 của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước)*

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 149/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược).

Để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược theo từng giai đoạn, thực hiện thành công mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Chiến lược, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xây dựng Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động), bao gồm những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1 Kế hoạch hành động nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xác định trong Chiến lược liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành Ngân hàng để đạt được mục tiêu và theo đúng quan điểm đã đề ra tại Chiến lược.

2. Kế hoạch hành động là căn cứ cho các vụ, cục, đơn vị sự nghiệp¹ trực thuộc NHNN, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp do NHNN quản lý², các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi tắt là các đơn vị trong ngành Ngân hàng) xây dựng hoặc điều chỉnh các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động theo chức năng, nhiệm vụ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình được quy định tại Chiến lược.

¹ Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc NHNN: Viện Chiến lược ngân hàng, Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia Việt Nam, Thời báo Ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp Hồ Chí Minh

² Các doanh nghiệp do NHNN quản lý bao gồm

- Các doanh nghiệp nhà nước do NHNN quản lý, gồm Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, 03 ngân hàng Nhà nước mua lại bắt buộc Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, Ngân hàng Xây dựng Việt Nam, Ngân hàng Đại dương

- Các doanh nghiệp có vốn nhà nước do NHNN quản lý, gồm Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

3. Kế hoạch hành động là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chiến lược; đồng thời là căn cứ để phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội dung của Chiến lược trong trường hợp cần thiết.

II. CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung công việc, các nhiệm vụ xác định trong Kế hoạch hành động này được dựa trên những yêu cầu cơ bản sau đây:

1. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm cũng như các mục tiêu mà Chiến lược đã đề ra để thực hiện có hiệu quả:

1.1. Vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Tài chính toàn diện: chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai Chiến lược và xây dựng các báo cáo định kỳ hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện Chiến lược.

1.2. Vai trò chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan thuộc ngành Ngân hàng: triển khai đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược tới các đơn vị trong ngành; giám sát quá trình thực hiện; đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn và cuối thời kỳ của Chiến lược, đề xuất điều chỉnh mục tiêu phù hợp với bối cảnh khi cần thiết để đảm bảo tính khả thi cao.

2. Cụ thể hóa các yêu cầu tổ chức thực hiện Chiến lược; thể hiện tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị và sự hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Ngân hàng trong việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp và việc đạt được mục tiêu đề ra tại Chiến lược.

3. Đảm bảo sự nhất quán với việc tổ chức thực hiện các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Đảng, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của ngành Ngân hàng trong từng thời kỳ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tin tuyên truyền, phổ biến Chiến lược và Kế hoạch hành động

1.1. Tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.

1.2. Tổ chức hội nghị để phổ biến về nội dung của Chiến lược và Kế hoạch hành động cho các đơn vị trong ngành Ngân hàng.

1.3. Xây dựng website về tài chính toàn diện để tăng cường phổ cập thông tin tài chính và cung cấp thông tin chính thức về tài chính toàn diện.

1.4. Xây dựng các chương trình truyền thông khác về Chiến lược và Kế hoạch hành động.

2. Đánh giá thực hiện Kế hoạch hành động

2.1. Nội dung đánh giá: bao gồm 04 nội dung:

- Việc rà soát, bổ sung, tích hợp nhiệm vụ liên quan đến triển khai Chiến lược vào kế hoạch/chương trình hành động hay chiến lược phát triển của các đơn vị;

- Tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược được phân công tại Kế hoạch hành động;

- Mức độ và khả năng đạt được mục tiêu của Chiến lược đặt ra cho từng giai đoạn và cuối thời kỳ Chiến lược,

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và đề xuất bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược (nếu cần thiết).

2.2. Biện pháp đánh giá: việc đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược được thông qua các biện pháp sau:

- Thông qua chế độ báo cáo:

+ Báo cáo chuyên đề hàng năm về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược;

+ Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chiến lược vào năm 2025, chỉnh sửa, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo (nếu cần thiết);

+ Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược vào năm 2030;

+ Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thống đốc hoặc các cấp có thẩm quyền.

- Thông qua hình thức kiểm tra tại chỗ/điều tra, khảo sát thực tế:

+ Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tại các đơn vị trong ngành Ngân hàng (nếu cần thiết);

+ Tổ chức điều tra, khảo sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược (nếu cần thiết).

- Thông qua tổng hợp, phân tích số liệu thống kê để đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục tiêu của Chiến lược

- Biện pháp khác phù hợp với qui định của pháp luật.

2.3. Hội nghị sơ kết, hội nghị tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược:

- Hội nghị sơ kết được tiến hành vào năm 2025 nhằm đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược trong giai đoạn 2020-2025 và đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có) cho giai đoạn tiếp theo.

- Hội nghị tổng kết được tiến hành vào năm 2030 nhằm đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cho thời kỳ tiếp theo (nếu có).

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc chuyên đề khác (nếu cần thiết).

3. Trách nhiệm thực hiện

3.1. Đối với các đơn vị trong ngành Ngân hàng: triển khai các nội dung được phân công nêu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch hành động.

3.2. Đối với các đơn vị phải xây dựng chiến lược phát triển theo quy định của pháp luật và Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07/01/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. rà soát, bổ sung, tích hợp các nhiệm vụ liên quan đến triển khai Chiến lược vào chiến lược phát triển của đơn vị mình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Đối với Viện Chiến lược ngân hàng

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II).

b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

- Đánh giá quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quy định tại khoản 2, Mục III;

- Xử lý những vướng mắc phát sinh liên quan đến việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của các đơn vị trong ngành Ngân hàng;

- Đề xuất bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược (nếu cần thiết).

c) Chủ trì xây dựng các báo cáo nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.2, khoản 2, Mục III.

d) Chủ trì tổ chức Hội nghị phổ biến nội dung của Chiến lược và Kế hoạch hành động nêu tại điểm 1.2, khoản 1, Mục III.

e) Chủ trì tổ chức hội nghị sơ kết và hội nghị tổng kết Chiến lược nêu tại điểm 2.3, khoản 2, Mục III.

3.4. Đối với Vụ Hợp tác quốc tế

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II).

b) Chủ trì đề xuất, xây dựng kinh phí phù hợp cho hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về Tài chính toàn diện và Tổ Thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo.

c) Chủ trì huy động, điều phối nguồn lực quốc tế để thực hiện Kế hoạch hành động.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chia sẻ thông tin về việc thực hiện Kế hoạch hành động cho các đối tác, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định hiện hành.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng website về tài chính toàn diện.

3.5. Đối với Vụ Tài chính – Kế toán

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau.

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II).

b) Tham mưu, giúp Thống đốc thẩm định đề xuất kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư công cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn về tài chính cho các đơn vị trong ngành để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch hành động.

c) Phối hợp với Vụ Hợp tác Quốc tế đề xuất kinh phí phù hợp cho hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về Tài chính toàn diện và Tổ Thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo.

3.6. Đối với Vụ Truyền thông

Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các nhiệm vụ nêu tại điểm 3.1 (các nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục I, Phụ lục II).

b) Chủ trì thực hiện công tác truyền thông theo các nội dung quy định tại khoản 1, Mục III và truyền thông cho hội nghị sơ kết, hội nghị tổng kết Chiến lược nêu tại điểm 2.3, khoản 2, Mục III.

4. Chế độ báo cáo

4.1. Nội dung và đối tượng thực hiện báo cáo

- Các đơn vị, vụ, cục thuộc NHNN chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục II (trừ Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Ngân hàng báo cáo theo Phụ lục III ban hành kèm theo Kế hoạch hành động;

- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng báo cáo theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Kế hoạch hành động;
- Vụ Thanh toán báo cáo theo Phụ lục V ban hành kèm theo Kế hoạch hành động;
- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế: báo cáo theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Kế hoạch hành động;
- NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Kế hoạch hành động;
- Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính): báo cáo theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Kế hoạch hành động,
- Quỹ tín dụng nhân dân: báo cáo theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Kế hoạch hành động.
- Tổ chức tài chính vi mô: báo cáo theo Phụ lục X ban hành kèm theo Kế hoạch hành động;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: báo cáo theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Kế hoạch hành động.

4.2. Thời hạn báo cáo

- Báo cáo chuyên đề hàng năm:
 - + Đối với báo cáo chuyên đề hàng năm: chậm nhất ngày 31/1 của năm tiếp theo. Riêng đối với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: chậm nhất ngày 20/2 của năm tiếp theo,
 - + Không phải thực hiện báo cáo chuyên đề năm 2025 và năm 2030
- Báo cáo sơ kết giai đoạn 2020-2025: chậm nhất ngày 10/9/2025. Riêng đối với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: chậm nhất ngày 30/9/2025;
- Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược: chậm nhất ngày 10/9/2030. Riêng đối với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: chậm nhất ngày 30/9/2030.

4.3. Thời gian chốt số liệu báo cáo

- Đối với báo cáo chuyên đề hàng năm: tính đến ngày 31/12 của năm báo cáo;

- Đối với báo cáo sơ kết giai đoạn 2020-2025: tính đến ngày 30/6/2025;
- Đối với báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược: tính đến ngày 30/6/2030.

4.4. Nơi gửi báo cáo

Theo “Nơi nhận” ghi tại cuối các mẫu báo cáo (Phụ lục III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI).

4.5. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy và được gửi bằng một trong các phương thức: gửi qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính; đồng thời gửi văn bản điện tử (định dạng .doc/.docx và xls/.xlsx) tới địa chỉ hòm thư điện tử của cơ quan nhận báo cáo (chienluocnh.vcl@sbv.gov.vn).

4.6. Chính lý, bổ sung báo cáo

Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, đơn vị lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình về việc chỉnh lý.



BỘ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

BẢNG 1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN BÊN CUNG

	Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Đơn vị chủ trì cung cấp số liệu ¹	Thời điểm tính	Đơn vị tính
1.	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch ² của các tổ chức tín dụng bình quân trên 100.000 người trưởng thành ³	- Từng tổ chức tín dụng ⁴ - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Tính đến 31/12 hàng năm	Chi nhánh/Phòng giao dịch
2.	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng bình quân trên 1000 km ²	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Tính đến 31/12 hàng năm	Chi nhánh/Phòng giao dịch
3.	Số lượng máy ATM bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
4.	Số lượng máy ATM bình quân trên 1000 km ²	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
5.	Số lượng máy POS bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
6.	Số lượng máy POS bình quân trên 1000 km ²	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Máy
7.	Số lượng đại lý ngân hàng bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán ⁵	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý

8.	Số lượng đại lý ngân hàng bình quân trên 1000 km ²	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
9.	Số lượng đại lý tiền di động ⁶ bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
10.	Số lượng đại lý tiền di động bình quân trên 1000 km ²	- Từng tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Đại lý
11.	Tỷ lệ phần trăm xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính ⁷ (không tính Ngân hàng Chính sách xã hội) trên tổng số xã/thị trấn trên toàn quốc	- Đơn vị hành chính cấp tỉnh	NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố	Tính đến 31/12 hàng năm	%
12.	Số lượng tài khoản thanh toán của cá nhân tại các tổ chức tín dụng bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Toàn quốc	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Tài khoản
13.	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành có tài khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng	- Toàn quốc	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	%
14.	Số lượng thẻ ghi nợ đang lưu hành bình quân trên 100 000 người trưởng thành	- Từng tổ chức tín dụng	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Thẻ
15.	Số lượng thẻ ghi nợ đang hoạt động bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức tín dụng	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Thẻ
16.	Số lượng ví điện tử bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán - Phát hành, kích hoạt và đang hoạt	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Ví

		đồng			
17.	Số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt bình quân trên 100.000 người trưởng thành	- Từng tổ chức tín dụng - Phương tiện thanh toán - Kênh giao dịch thanh toán	Vụ Thanh toán	Tính đến 31/12 hàng năm	Món
18.	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành có tiền gửi tiết kiệm ⁸ tại tổ chức tín dụng	- Toàn quốc	Viện Chiến lược ngân hàng	Tính đến 31/12 hàng năm	%
19.	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành có dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng trong 12 tháng qua	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Tính đến 31/12 hàng năm	%
20.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tín dụng tại các tổ chức tín dụng trong 12 tháng qua	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Tính đến 31/12 hàng năm	Doanh nghiệp
21.	Tổng dư nợ tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tổ chức tín dụng	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Tính đến 31/12 hàng năm	Triệu đồng
22.	Tỷ lệ phần trăm số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa phải có tài sản thế chấp đối với khoản vay mới nhất	- Từng tổ chức tín dụng - Đơn vị hành chính cấp tỉnh	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Tính đến 31/12 hàng năm	%
23.	Tỷ trọng dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế	Toàn quốc	Vụ Tín dụng các ngành kinh tế	Tính đến 31/12 hàng năm	%
24.	Tỷ lệ phần trăm người trưởng	- Tỉnh/Thành phố	Trung tâm Thông tin tín	Tính đến 31/12 hàng	%

	thành có thông tin về lịch sử tín dụng trong hệ thống thông tin tín dụng	- Giới tính ⁹	dụng Quốc gia Việt Nam	năm	
25.	Tỷ lệ phần trăm khiếu nại về tài chính của cá nhân được xử lý	- Từng tổ chức tín dụng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Tính đến 31/12 hàng năm	%
26.	Tỷ lệ phần trăm khiếu nại về tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xử lý	- Từng tổ chức tín dụng - Từng loại hình dịch vụ: thanh toán, tín dụng, tiền gửi có kỳ hạn	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Tính đến 31/12 hàng năm	%

Ghi chú:

¹ Đối với các chỉ tiêu có mẫu số “100.000 người trưởng thành/người trưởng thành” (gồm chỉ tiêu 1, 3, 5, 7, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 24), “1000 km²” (gồm chỉ tiêu 2, 4, 6, 8, 10) và “số lượng xã/thị trấn trên toàn quốc” (chỉ tiêu 11):

- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về giá trị của Từ số theo phân tổ, kèm theo Bảng thống kê chi tiết bằng file đính kèm xls hoặc xlsx
- Vụ Dư báo, thống kê chịu trách nhiệm thu thập số liệu “người trưởng thành”, “số lượng xã/phường/thị trấn trên toàn quốc” của mẫu số từ Tổng cục Thống kê
- Viện Chiến lược ngân hàng chịu trách nhiệm tính toán các chỉ tiêu

² Thống kê số lượng chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm phòng giao dịch bưu điện), không tính điểm giao dịch, kiosk, tổ tiết kiệm và vay vốn

³ Người trưởng thành là người cư trú công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, số liệu của Tổng cục Thống kê công bố tại từng thời điểm

⁴ Loại hình tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô

⁵ Vụ Thanh toán thống kê về đại lý thanh toán sau khi ban hành Quy định về đại lý thanh toán.

⁶ Đại lý tiền di động được thống kê sau khi ban hành Quy định về đại lý tiền di động.

⁷ Điểm cung ứng dịch vụ tài chính bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm phòng giao dịch bưu điện) của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, không tính Ngân hàng Chính sách xã hội. Xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính là xã/thị trấn có một hoặc nhiều điểm cung ứng dịch vụ tài chính

⁸ Người có tiền gửi tiết kiệm là khách hàng cá nhân có bất kỳ khoản tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng.

⁹ Báo cáo theo phân tổ “Giới tính” khi hoàn thiện cơ sở dữ liệu của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

BẢNG 2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN BÊN CẦU (Thu thập từ cuộc điều tra bên cầu về tài chính toàn diện do Vụ Dự báo) *Thống kê đầu mỗi tổ chức thực hiện 5 năm một lần*

STT	Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Đơn vị tính
1.	Tỷ lệ người trưởng thành sở hữu điện thoại di động hoặc máy tính có kết nối Internet trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
2a.	Tỷ lệ người trưởng thành có thời gian di chuyển đến điểm cung ứng dịch vụ gần nhất của các tổ chức tài chính ¹ dưới 15 phút trên tổng số người trưởng thành	- Thành thị/Nông thôn	%
2b.	Tỷ lệ người trưởng thành có thời gian di chuyển đến điểm cung ứng dịch vụ gần nhất của các ngân hàng thương mại dưới 15 phút trên tổng số người trưởng thành	- Thành thị/Nông thôn	%
3.	Tỷ lệ người trưởng thành sở hữu tài khoản (bao gồm tài khoản tiền gửi tiết kiệm và tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
4.	Tỷ lệ người trưởng thành sở hữu tài khoản (bao gồm tài khoản tiền gửi tiết kiệm và tài khoản thanh toán) tại ngân hàng thương mại trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
5.	Tỷ lệ người trưởng thành sở hữu ví điện tử tại các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập	%

		- Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	
6.	Tỷ lệ người trưởng thành rút tiền/chuyển tiền từ tài khoản (tài khoản thanh toán) của mình trong 12 tháng qua (bao gồm rút tiền hoặc chuyển tiền) trên tổng số người trưởng thành có tài khoản	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
7	Tỷ lệ người trưởng thành rút tiền mặt từ tài khoản (tài khoản thanh toán) của mình thông qua kênh ATM trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành có tài khoản	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
8a.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận tiền nội địa thông qua tài khoản (tài khoản thanh toán) tại một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
8b.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận tiền nội địa thông qua tài khoản (tài khoản thanh toán) tại một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người nhận tiền nội địa trong 12 tháng qua	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
9a.	Tỷ lệ người trưởng thành chuyển tiền nội địa thông qua tài khoản (tài khoản thanh toán) một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%

9b	Tỷ lệ người trưởng thành chuyển tiền nội địa thông qua tài khoản (tài khoản thanh toán) một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người thực hiện chuyển tiền nội địa trong 12 tháng qua	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
10a.	Tỷ lệ người trưởng thành nhân lương hoặc tiền công qua tài khoản (tài khoản thanh toán) của một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
10b.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận lương hoặc tiền công qua tài khoản (tài khoản thanh toán) của một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người nhận lương hoặc tiền công	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
11a.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận tiền trợ cấp từ chính phủ thông qua tài khoản (tài khoản thanh toán) của một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
11b.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận tiền trợ cấp từ chính phủ thông qua tài khoản (tài khoản thanh toán) của một tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người nhận tiền trợ cấp từ chính phủ thông qua tài khoản	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
12a.	Tỷ lệ người trưởng thành đã sử dụng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính để thanh toán hóa đơn tiện ích trong 12 tháng qua trên tổng số người	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính 	%

	trưởng thành	- Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	
12b.	Tỷ lệ người trưởng thành đã sử dụng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính để thanh toán hóa đơn tiện ích trong 12 tháng qua trên tổng số người thanh toán hóa đơn tiện ích	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
13a.	Tỷ lệ người trưởng thành sử dụng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính để thanh toán học phí trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
13b.	Tỷ lệ người trưởng thành sử dụng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính để thanh toán học phí trong 12 tháng qua trên tổng số người thanh toán học phí	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
14a	Tỷ lệ người trưởng thành sử dụng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính để thanh toán hóa đơn mua hàng qua mạng trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
14b.	Tỷ lệ người trưởng thành sử dụng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính để thanh toán hóa đơn mua hàng qua mạng trong 12 tháng qua trên tổng số người đã thanh toán hóa đơn mua hàng qua mạng	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập	%

		- Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	
15a.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận tiền từ việc kinh doanh/buôn bán sản phẩm nông nghiệp bằng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
15b.	Tỷ lệ người trưởng thành nhận tiền từ việc kinh doanh/buôn bán sản phẩm nông nghiệp bằng tài khoản (tài khoản thanh toán) tại tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người nhận tiền từ việc kinh doanh/buôn bán sản phẩm nông nghiệp	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
16.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản tiết kiệm trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
17	Tỷ lệ người trưởng thành có tiền tiết kiệm để dự phòng cho đầu tư hoặc mở rộng kinh doanh trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
18.	Tỷ lệ người trưởng thành có tiền tiết kiệm để chuẩn bị cho tuổi già trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%

19	Tỷ lệ người trưởng thành có tiền tiết kiệm để chi cho giáo dục (cho mình hoặc người thân) trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
20.	Tỷ lệ người trưởng thành gửi tiết kiệm ở tổ chức tài chính trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
21.	Tỷ lệ người trưởng thành gửi tiết kiệm thông qua các hình thức tiết kiệm không chính thức trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
22.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
23.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên trong 12 tháng qua từ tổ chức tài chính trên tổng số người trưởng thành	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
24	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên trong 12 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính 	%

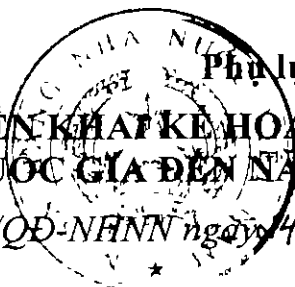
	qua từ các bên cho vay tư nhân/không chính thức trên tổng số người trưởng thành	- Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	
25.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên để mua nhà hoặc bất động sản trong 12 tháng qua	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
26.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên để mua vật nuôi, cây trồng/phân bón/công cụ sản xuất nông nghiệp trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
27a.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên để chi trả học phí trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
27b.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay trị giá từ 1 triệu đồng trở lên để chi trả khám chữa bệnh trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
28.	Tỷ lệ người trưởng thành có khoản vay quá hạn trên tổng số người trưởng thành có khoản vay	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập	%

		- Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	
29.	Tỷ lệ người trưởng thành có thẻ tín dụng trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
30.	Tỷ lệ người trưởng thành đã sử dụng thẻ tín dụng trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
31	Tỷ lệ người trưởng thành có sử dụng sản phẩm bảo hiểm trên tổng số người trưởng thành	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
32.	Tỷ lệ người trưởng thành có sử dụng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ trên tổng số người trưởng thành có sử dụng sản phẩm bảo hiểm	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%
33.	Tỷ lệ người trưởng thành có sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ trên tổng số người trưởng thành có sử dụng sản phẩm bảo hiểm	- Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn	%

34.	Tỷ lệ người trưởng thành có sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp trên tổng số người trưởng thành có sử dụng sản phẩm bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/Nông thôn 	%
35.	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành có hiểu biết về các sản phẩm, dịch vụ tài chính của các tổ chức tài chính được cấp phép hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/nông thôn 	%
36	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành tin tưởng vào các tổ chức tài chính được cấp phép hoạt động để gửi tiền hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/nông thôn 	%
37	Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành được học các kiến thức tài chính tại trường trung học phổ thông, trường cao đẳng, trường đại học hoặc trường đào tạo nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính - Tuổi - Thu nhập - Trình độ học vấn - Thành thị/nông thôn 	%

Ghi chú:

¹ Tổ chức tài chính là tổ chức được cấp phép cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính



Phụ lục II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

STT	Tên nhiệm vụ/giải pháp cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả đầu ra	Thời hạn hoàn thành
1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện					
1.1	Nghiên cứu, ban hành quy định về đại lý ngân hàng, theo đó cho phép ngân hàng được giao cho các chủ thể không phải ngân hàng làm đại lý, cung ứng một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo ủy thác của ngân hàng để hưởng hoa hồng	Vụ Thanh toán	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Pháp chế, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Quản lý ngoại hối, Cục Công nghệ thông tin, Hiệp hội Ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan đến đại lý thanh toán	2020-2021
1.2	Nghiên cứu, ban hành quy định về tài khoản giao dịch theo các cấp độ với chính sách phí hợp lý nhằm tạo thuận lợi và khuyến khích mọi công dân trong xã hội mở tài khoản để thực hiện giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ Thanh toán	Vụ Pháp chế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục Công nghệ thông tin, Hiệp hội Ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025

1.3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc nhận biết khách hàng và xác thực nhân thân khách hàng theo các cấp độ phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro của từng loại sản phẩm, dịch vụ và nhóm đối tượng khách hàng; cho phép áp dụng quy trình nhận biết khách hàng đơn giản và gián tiếp từ xa bằng phương thức điện tử trực tuyến (e-KYC) đối với việc mở tài khoản tại các tổ chức được cấp phép để phục vụ cho nhu cầu thanh toán giá trị nhỏ của cá nhân và doanh nghiệp	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (Cục Phòng chống rửa tiền)	Vụ Thanh toán, Vụ Pháp chế, Hiệp hội Ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hướng dẫn định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 87/2019/NĐ-CP) - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan 	2020-2021
1.4	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật quy định về tiền điện tử và tài khoản tiền điện tử là phương tiện thanh toán trả trước để sử dụng cho những phương thức thanh toán không dùng tiền mặt như thẻ trả trước, ví điện tử. .	Vụ Thanh toán	Vu Pháp chế, Vụ Chính sách tiền tệ, Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan khác	Kết quả rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2021
1.5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ số nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính	Các vụ, cục xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ: Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Quản lý ngoại hối, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân	Vụ Pháp chế, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các đơn	Kết quả rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025

		hàng, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Cục Phát hành và kho quỹ	vị có liên quan khác		
1.6	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế vào hoạt động tài chính vi mô; xây dựng và phát triển hệ thống các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, hiệu quả, mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Vụ Pháp chế, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Thanh toán, Hiệp hội Ngân hàng, các tổ chức tài chính vi mô, các đơn vị có liên quan khác	Kết quả rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025
1.7	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, giám sát nhằm đảm bảo việc triển khai tài chính toàn diện được an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng pháp luật	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Vụ Pháp chế, Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cục Công nghệ thông tin, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Kết quả rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025

1.8	Nghiên cứu, ban hành cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	Vụ Thanh toán	Vụ Pháp chế, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cục Công nghệ thông tin, Hiệp hội Ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	- Cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát về Fintech trong lĩnh vực ngân hàng (Regulatory sandbox) - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025
1.9	Nghiên cứu xác định các rủi ro liên quan đến tài chính toàn diện	Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính	Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Quản lý ngoại hối, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Thanh toán, Vụ Dự báo, thống kê, Viện Chiến lược ngân hàng, Cục Công nghệ thông tin, Cục Phát hành và kho quỹ, các đơn vị có liên quan khác	Các báo cáo nghiên cứu về các rủi ro liên quan đến tài chính toàn diện	2020-2025

2. Phát triển đa dạng các tổ chức cung ứng, kênh phân phối hỗ trợ cho mọi người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản một cách thuận tiện, với chi phí hợp lý

2a | Hướng tới phát triển mô hình đại lý ngân hàng nhằm mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ ngân hàng đến gần với người dân ở các vùng chưa hoặc ít có dịch vụ ngân hàng

2a.1	<p>Nghiên cứu, triển khai từng bước hoạt động đại lý ngân hàng; ngân hàng đáp ứng đủ điều kiện theo quy định được mở các điểm cung ứng dịch vụ qua đại lý tại những nơi mật độ chi nhánh, phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng còn thấp</p>	<p>- Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán</p> <p>- Tổ chức thực hiện: các ngân hàng thương mại đủ điều kiện</p>	<p>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Pháp chế, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Quản lý ngoại hối, Cục Phát hành và kho quỹ, Cục Công nghệ thông tin, Hiệp hội Ngân hàng, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác</p>	<p>- Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan đến đại lý thanh toán</p> <p>- Các đại lý thanh toán của các ngân hàng thương mại</p>	2021-2025
2a.2	<p>Nghiên cứu, tạo điều kiện cho các tổ chức không phải ngân hàng có mạng lưới rộng khắp hoặc địa bàn hoạt động tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa (như các quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô, bưu điện, trạm xăng, mạng lưới của các tổ chức viễn thông, mạng lưới của một số tổ chức khác không phải ngân hàng...) trở thành đại lý của ngân hàng nhằm nhanh chóng mở rộng phạm vi các điểm cung ứng dịch vụ tài chính</p>	<p>- Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán</p> <p>- Tổ chức thực hiện: các ngân hàng thương mại đủ điều kiện</p>	<p>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Pháp chế, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Quản lý ngoại hối, Cục Phát hành và kho quỹ, Cục Công nghệ thông tin, Hiệp hội Ngân hàng, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan</p>	<p>- Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan đến đại lý thanh toán</p> <p>- Các đại lý thanh toán của các ngân hàng thương mại</p>	2021-2025

			khác		
2b	Phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số nhằm mở rộng phạm vi cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính với chi phí thấp, đặc biệt là qua điện thoại di động				
2b.1	Đẩy mạnh thanh toán qua thiết bị di động, phát triển mạnh các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, tài chính số cho người dân sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Quản lý ngoại hối, Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện 	2020-2025

2b.2	Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức viễn thông tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, trên cơ sở hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các tổ chức tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Thanh toán - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Pháp chế, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện 	2020-2025
2b.3	Khuyến khích các tổ chức tín dụng hợp tác với các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức trung gian thanh toán phát triển các giải pháp công nghệ thanh toán mới dễ sử dụng, có chi phí thấp, thuận tiện và an toàn, phù hợp với các giao dịch thanh toán cá nhân.	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 	Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện 	2020-2025
2c	Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ của các tổ chức tín dụng ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ tài chính				

2c.1	Khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 	NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Số lượng tăng lên các chi nhánh và phòng giao dịch ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa 	2020-2025
2c.2	Tiếp tục sắp xếp, phát triển hợp lý mạng lưới ATM và POS trên toàn quốc đảm bảo hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường; khuyến khích các ngân hàng, tổ chức khác đầu tư và mở rộng mạng lưới ATM và POS tới khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Vụ Thanh toán, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện 	2020-2025
2d	Sử dụng hiệu quả mạng lưới bưu chính công cộng để cung ứng các dịch vụ tài chính cơ bản				
2d.1	Khuyến khích phát triển các dịch vụ tài chính cơ bản cung cấp qua mạng lưới bưu chính công cộng	Vụ Thanh toán	Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Tài chính-Kế toán, Vụ Quản lý ngoại hối, các đơn vị có liên quan khác	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2022

2d.2	Tạo điều kiện cho mạng lưới bưu chính công cộng hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, tổ chức công nghệ tài chính phát triển các dịch vụ tài chính số với chi phí thấp phục vụ người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 	Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Tài chính-Kế toán, Vụ Quản lý ngoại hối, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện 	2021-2025
2đ	Phát triển hệ thống các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, hiệu quả, mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, các doanh nghiệp siêu nhỏ				
2đ.1	Khuyến khích các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô phát triển đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tài chính vi mô 	Các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của các tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện 	2020-2025

2đ.2	Khuyến khích phát triển mô hình liên kết hoạt động của các ngân hàng thương mại với các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Tổ chức thực hiện: các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô 	Các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện 	2020-2025
2đ.3	Khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô và các tổ chức công nghệ tài chính nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ để cung ứng dịch vụ đơn giản, thuận lợi, chi phí thấp tới người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa	Các tổ chức tài chính vi mô	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của các tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện	2020-2025
2đ.4	Khuyến khích các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô tham gia vào thúc đẩy giáo dục tài chính	Các tổ chức tài chính vi mô	Vụ Truyền thông, Viện Chiến lược ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của các tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện	2020-2025
2e	Tăng cường năng lực các định chế tài chính chuyên biệt có định hướng hoạt động phù hợp với mục tiêu của tài chính toàn diện, bao gồm: Ngân	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế	2020-2025

	hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân, phù hợp với Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ	Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân	Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Chính sách tiền tệ, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, các đơn vị có liên quan khác	hoạch của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân và việc triển khai thực hiện	
3. Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện					
3a	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt				
3a.1	Khuyến khích các ngân hàng cung cấp tài khoản thanh toán không chịu phí duy trì tài khoản và số dư tài khoản tối thiểu, có tính năng hạn chế, liên kết với thẻ ATM cho người về hưu, người hưởng trợ cấp xã hội, người già, người nghèo, học sinh, sinh viên và những đối tượng yếu thế phù hợp khác để sử dụng các dịch vụ gửi tiền, rút tiền, chuyển tiền giá trị nhỏ, nhận lương hưu, trợ cấp xã hội và thanh toán hóa đơn dịch vụ tiện ích	- Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán - Tổ chức thực hiện: các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã	Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	- Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hành động của từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã và việc triển khai thực hiện	2020-2025

3a.2	Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có các chính sách nhằm khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp và các tổ chức khác đẩy mạnh thanh toán các hóa đơn định kỳ (điện, nước, viễn thông, học phí, viện phí) bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/ Kế hoạch hành động của từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện	2020-2025
3a.3	Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có các chính sách nhằm khuyến khích đẩy mạnh thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng	Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/ Kế hoạch hành động của từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện	2020-2025
3a.4	Khuyến khích các tổ chức tín dụng và các tổ chức được phép khác phát triển các dịch vụ thanh toán, chuyển tiền dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán - Tổ chức thực hiện: các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ 	Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hành động của 	2020-2025

		chức được phép khác		từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức được phép khác và việc triển khai thực hiện	
3a.5	Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có các chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh trả lương cho người lao động và thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản	Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện	2020-2025
3b	Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn				
3b.1	Hỗ trợ các tổ chức tín dụng nâng cao hiệu quả cho vay hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong nước thông qua ứng dụng công nghệ cao và liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp	Vụ Tín dụng các ngành kinh tế	Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các đơn vị có liên quan khác	Kết quả rà soát, hoàn thiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, đề tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trong nước thông qua ứng dụng công nghệ cao và liên kết chuỗi	2020-2025

				giá trị trong nông nghiệp	
3b.2	Phát triển các sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có mức lãi suất hợp lý, góp phần ngăn chặn “tín dụng đen”	Các Công ty tài chính, các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
3b.3	Hỗ trợ nâng cao năng lực của các tổ chức tín dụng về quản trị rủi ro, thiết kế sản phẩm và phát triển kinh doanh để tăng cường các nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực phục vụ cho việc cơ cấu lại và chuyển đổi khu vực nông nghiệp, trong đó chú trọng đến đa dạng hóa thu nhập của người sản xuất nông nghiệp	Hiệp hội Ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
3c	Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh				
3c.1	Phát triển các hình thức cho vay tín chấp, thế chấp bằng hàng hóa, tài sản trên đất, động sản và dòng tiền	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
3c.2	Khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng việc cung ứng các hình thức cho vay không yêu cầu tài	- Các cơ chế, chính sách: Vụ Tín dụng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng,	- Kết quả rà soát, hoàn thiện các chính sách	2020-2025

	sản thể chấp với các hình thức quản lý vốn vay phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh	các ngành kinh tế - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác	tín dụng phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ gia đình sản xuất kinh doanh - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hành động của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và việc triển khai thực hiện	
3c.3	Khuyến khích các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô cung ứng sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu khác nhau của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh	- Các cơ chế, chính sách: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Tổ chức thực hiện: các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	- Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch hành động của từng công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và việc triển khai thực hiện	2020-2025
4	Hoàn thiện và tăng hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng tài chính, tạo điều kiện giảm phí giao dịch, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy tài				

chính toàn diện					
4a	Hoàn thiện hạ tầng thanh toán				
4a.1	Đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thanh toán bù trừ tự động phục vụ cho giao dịch bán lẻ (hệ thống ACH) để sớm đưa vào vận hành, phục vụ cho thanh toán cá nhân và doanh nghiệp tại mọi thời điểm (24/7)	Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam	Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan khác	Hệ thống thanh toán bù trừ tự động phục vụ cho giao dịch bán lẻ (hệ thống ACH) được đưa vào vận hành	2020-2021
4a.2	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế cho hoạt động chuyển mạch tài chính, bù trừ điện tử	Vụ Thanh toán	Cục Công nghệ thông tin, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, Sở Giao dịch, các đơn vị có liên quan khác	Hướng dẫn về tổ chức, vận hành, quản lý hệ thống chuyển mạch tài chính, thanh toán bù trừ điện tử và việc triển khai thực hiện	2020-2021
4a.3	Nghiên cứu, ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật để tăng cường sự kết nối liên thông giữa các tổ chức tín dụng với nhau, giữa các tổ chức tín dụng với các tổ chức công nghệ tài chính và các tổ chức cung ứng dịch vụ khác nhằm phục vụ cho các giao dịch thanh toán điện tử trong nền kinh tế	Cục Công nghệ thông tin	Vụ Thanh toán, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác	Quy định về chuẩn kết nối giữa các tổ chức tín dụng với nhau và giữa các tổ chức tín dụng với các tổ chức công nghệ tài chính và các tổ chức cung ứng dịch vụ khác và việc triển khai thực hiện	2020-2025
4a.4	Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử để tạo niềm tin cho công chúng và bảo vệ người tiêu dùng tài chính	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ	Cục Công nghệ thông tin, Vụ Thanh toán, Công ty cổ phần thanh toán	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025

		trung gian thanh toán	Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác		
4b	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư				
4b.1	Có chính sách gắn mã số định danh công dân với tất cả tài khoản cá nhân để phục vụ công tác quản lý và xác thực thông tin khách hàng và người thụ hưởng khi cung ứng sản phẩm, dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ chế, chính sách: Vụ Thanh toán - Tổ chức thực hiện: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 	Cục Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Vụ Dự báo, thống kê, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn về việc gắn mã số định danh công dân với tài khoản thanh toán - Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện 	2020-2025
4b.2	Tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và chính phủ điện tử	Cục Công nghệ thông tin	Vụ Dự báo, thống kê, Vụ Thanh toán, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Văn phòng NHNN, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam,	Cơ sở hạ tầng sẵn sàng cho việc kết nối, chia sẻ thông tin	2020-2025

			Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, các đơn vị có liên quan khác		
4c	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính toàn diện				
4c.1	Xây dựng các chỉ tiêu thống kê về tài chính toàn diện về mức độ tiếp cận, sử dụng và chất lượng dịch vụ tài chính	Viện Chiến lược ngân hàng	Vụ Dự báo, thống kê, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác	Bộ chỉ tiêu thống kê về tài chính toàn diện	2020
4c.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính toàn diện quốc gia dựa trên bộ chỉ tiêu thống kê về mức độ tiếp cận, sử dụng và chất lượng dịch vụ tài chính	Vụ Dự báo, thống kê	Viện Chiến lược ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, NHNN chi nhánh tỉnh, thành	- Quy định về chế độ/yêu cầu báo cáo các chỉ tiêu thống kê để xây dựng cơ sở dữ liệu về tài chính toàn diện - Cơ sở dữ liệu về tài chính toàn diện	2020-2025

			phổ, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các đơn vị có liên quan khác		
4c.3	Lồng ghép những chỉ tiêu tài chính toàn diện cơ bản vào chương trình khảo sát mức sống dân cư	Viện Chiến lược ngân hàng	Vụ Dự báo, thống kê, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Một số chỉ tiêu cơ bản về tài chính toàn diện được thống nhất với Tổng cục Thống kê và đưa vào chương trình khảo sát mức sống dân cư	2020-2025
4c.4	Thực hiện điều tra xã hội học về tiếp cận dịch vụ tài chính của dân cư	Vụ Dự báo, thống kê	Viện Chiến lược ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tài chính – Kế toán, Cục Công nghệ thông tin, Cục Quản trị, Văn phòng NHNN, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng,	Báo cáo đánh giá mức độ tiếp cận, sử dụng và chất lượng dịch vụ tài chính của người dân	2024-2025

			NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác		
4d	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia thống nhất, đầy đủ, chất lượng cao trên nền tảng công nghệ hiện đại; tích hợp được đầy đủ thông tin từ các tổ chức tín dụng trong ngành ngân hàng, từng bước mở rộng các nguồn thông tin từ các tổ chức ngoài ngành; cung cấp kịp thời, đa dạng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia thống nhất, đầy đủ, chất lượng	2020-2025
5. Giáo dục tài chính, nâng cao năng lực và kiến thức tài chính; bảo vệ người tiêu dùng tài chính					
5a	Xây dựng và triển khai các biện pháp tổng thể để tăng cường kiến thức, kỹ năng quản lý tài chính, nâng cao hiểu biết về sản phẩm, dịch vụ tài chính của người dân và doanh nghiệp, từ đó tăng khả năng sử dụng, đánh giá lợi ích, rủi ro của các sản phẩm, dịch vụ tài chính do các tổ chức được cấp phép cung ứng để người dân và doanh nghiệp sáng suốt lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu				
5a.1	Xây dựng và triển khai các chương trình nhằm cung cấp thông tin cho người dân hiểu rõ về lợi ích, chi phí, rủi ro cùng phương thức quản lý và sử dụng hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ tài chính; đồng thời công khai quy trình xử lý khiếu nại, tranh chấp cho tất cả các đối tượng khách hàng sử dụng dịch vụ	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Vụ truyền thông, Viện Chiến lược ngân hàng, Vụ Hợp tác quốc tế, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các	- Các chương trình giáo dục tài chính cho người dân - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025

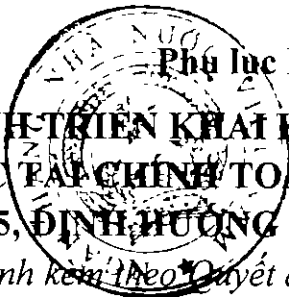
			đơn vị có liên quan khác		
5a.2	Đẩy mạnh các chương trình truyền thông giáo dục, phổ biến kiến thức tài chính cho mọi người dân và doanh nghiệp	Vụ Truyền thông	Viện Chiến lược ngân hàng, Vụ Hợp tác quốc tế, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Tạp chí Ngân hàng, Thời báo Ngân hàng, Học viên Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp Hồ Chí Minh, Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng - Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan 	2020-2025
5a.3	Xây dựng website về tài chính toàn diện nhằm tăng cường phổ cập thông tin tài chính và cung cấp thông tin chính thức về tài chính toàn diện	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện Chiến lược ngân hàng, Vụ Truyền thông, các đơn vị có liên quan khác	Website về tài chính toàn diện	2020-2025

5a.4	Nâng cao kỹ năng tài chính, đặc biệt là hiểu biết về các công cụ quản trị rủi ro, bảo hiểm, cho thuê tài chính... cho người sản xuất nông nghiệp	Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Hợp tác quốc tế, Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
5b	Xây dựng khuôn khổ pháp lý về bảo vệ người tiêu dùng tài chính				
5b.1	Nghiên cứu và ban hành quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính, trong đó xác định rõ cơ chế bảo vệ người tiêu dùng tài chính trước sự đối xử không công bằng của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính; yêu cầu về công bố thông tin của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính; minh bạch hóa cách thức tiếp cận và giải quyết hiệu quả tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Quản lý ngoại hối	Vụ Pháp chế, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các đơn vị có	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan về bảo vệ người tiêu dùng tài chính	2020-2025

			liên quan khác		
5b.2	Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ đối với người tiêu dùng tài chính	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Pháp chế, Vụ Thanh toán, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác	Chiến lược phát triển/Đề án/Dự án/Chương trình/Kế hoạch của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và việc triển khai thực hiện	2020-2025
5b.3	Thúc đẩy vai trò cho vay có trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, trong đó nhấn mạnh đến tăng cường kiến thức tài chính cho khách hàng vay, đặc biệt là quyền được tiếp cận và bảo vệ thông tin tín dụng, cơ chế giải quyết khiếu nại và chỉnh sửa sai sót thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Liên quan việc ban hành khuôn khổ pháp lý về cho vay có trách nhiệm: Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Liên quan công tác thanh tra, giám sát, xử lý khiếu nại: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Liên quan việc tăng cường kiến thức tài 	Vụ Pháp chế, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị có liên quan khác	Các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo liên quan	2020-2025

		<p>chính cho khách hàng vay: Vụ Truyền thông</p> <p>- Liên quan quyền được tiếp cận và bảo vệ thông tin tín dụng của khách hàng: Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam</p> <p>- Thực hiện cho vay có trách nhiệm: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>			
5c	Phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phù hợp với Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính – Kế toán, Viên Chiến lược ngân hàng, các đơn vị liên quan khác	Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và việc triển khai thực hiện	2020-2025
6a	Lồng ghép các mục tiêu tài chính toàn diện trong quá trình thực hiện cung ứng vốn vay của ngành ngân hàng cho các chương trình xây dựng nông thôn mới	Vụ Tín dụng các ngành kinh tế	Các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
6b	Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch	Vụ Tổ chức cán bộ,	Viên Chiến lược	Các chương trình, kế	2020-2025

	đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân lực của hệ thống Ngân hàng Nhà nước, ngành Ngân hàng, các đối tượng khác khi được cấp có thẩm quyền phân công về tài chính toàn diện	Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng	ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Ngân hàng, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các đơn vị có liên quan khác	hoạch, khóa đào tạo, bồi dưỡng về tài chính ngân hàng	
6c	Đẩy mạnh hợp tác về tài chính toàn diện với các quốc gia và tổ chức phát triển quốc tế trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị có liên quan	Tăng cường thúc đẩy và mở rộng hợp tác quốc tế về tài chính toàn diện để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động	2020-2025
6d	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của tài chính toàn diện đến các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, người dân và doanh nghiệp	Vụ Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025
6đ	Đẩy mạnh việc cơ cấu lại các tổ chức tín dụng theo các đề án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các tổ chức tín dụng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị có liên quan khác	Nhiệm vụ thường xuyên	2020-2025



Phụ lục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN

ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động²

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

STT	Tên nhiệm vụ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành)
I	Các nhiệm vụ nêu tại khoản 3, Mục III của Kế hoạch hành động (nếu có)		
II	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục I của Kế hoạch hành động		
III	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động		

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ)

III. Công tác phối hợp trong việc triển khai nhiệm vụ

(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II, III ở trên (nếu có);
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:
- Viên CLNH, NHNN

... .., ngày... .. tháng... ..năm... ..
(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng các vụ, cục thuộc NHNN (trừ Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Thanh toán, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Ngân hàng

² Các đơn vị chỉ báo cáo đối với các nhiệm vụ mà mình chủ trì tại khoản 3, Mục III của Kế hoạch hành động, Phụ lục I, Phụ lục II

Phụ lục IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TẠI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹:
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):

I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động²

(Yêu cầu. báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

STT	Tên nhiệm vụ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành)
I	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục I của Kế hoạch hành động		
II	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động		

II. Căn cứ kết quả công tác quản lý, thanh tra, giám sát và trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá việc thực hiện của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đối với các nội dung sau:

1. Mở rộng độ bao phủ chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (không tính Ngân hàng Chính sách xã hội) nhằm mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng ở vùng nông thôn³, vùng sâu, vùng xa⁴

Đánh giá tình hình mở rộng độ bao phủ chi nhánh, phòng giao dịch⁵ của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (không tính Ngân hàng Chính sách xã hội) nhằm mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ

vụ ngân hàng ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc; tốc độ tăng/giảm so với năm trước;
- b. Số lượng xã/thị trấn có chi nhánh, phòng giao dịch trên tổng số xã/thị trấn trên toàn quốc (tính cho địa bàn nông thôn);
- c. Số lượng xã/phường/thị trấn có chi nhánh, phòng giao dịch trên tổng số xã/phường/thị trấn trên toàn quốc;
- d. Các biện pháp đã và đang triển khai để mở rộng độ bao phủ chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

2. Mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, các doanh nghiệp siêu nhỏ thông qua hệ thống các tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân

2.1. Các tổ chức tài chính vi mô, các chương trình, dự án tài chính vi mô

Đánh giá tình hình mở rộng sự tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, các doanh nghiệp siêu nhỏ của các tổ chức tài chính vi mô, các chương trình, dự án tài chính vi mô đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký qua một số chỉ tiêu/nội dung sau.

- a. Kết quả hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô (số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ);
- b. Kết quả hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô đã được NHNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký (số lượng chương trình, dự án tài chính vi mô, tổng vốn huy động, tổng dư nợ cho vay, nợ quá hạn hệ số tự vững (thu nhập – chi phí));
- c. Các mô hình liên kết hoạt động giữa ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính vi mô (nếu có);
- d. Tình hình hợp tác giữa các tổ chức tài chính vi mô với các tổ chức công nghệ tài chính (nếu có).

2.2. Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

Đánh giá tình hình mở rộng độ bao phủ phòng giao dịch ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng quỹ tín dụng nhân dân trên toàn quốc;
- b. Số lượng phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên toàn quốc; ↙

c. Số lượng xã/thị trấn có quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên tổng số xã/thị trấn trên toàn quốc (tính cho địa bàn nông thôn);

d. Số xã/phường/thị trấn có quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên tổng số xã/phường/thị trấn trên toàn quốc;

đ. Số xã/phường/thị trấn chỉ có quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân mà không có bất kỳ chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô (không tính Ngân hàng chính sách xã hội) trên tổng số xã/phường/thị trấn trên toàn quốc;

e. Kết quả hoạt động của toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (Số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ).

3. Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

Đánh giá tình hình phát triển và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản (sản phẩm, dịch vụ tài chính vi mô, sản phẩm cho vay tiêu dùng) hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện qua một số chỉ tiêu/nội dung sau

a. Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính vi mô linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;

b. Các loại sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có lãi suất hợp lý.

4. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá tình hình tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính qua tối thiểu một số nội dung sau:

a. Công bố thông tin;

b. Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;

c. Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;

d. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về tài chính;

e. Bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ)

IV. Công tác phối hợp trong việc triển khai nhiệm vụ

(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III, IV ở trên (nếu có);
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viên CLNH, NHNN.

... .., ngày... .. tháng... ..năm... ..

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

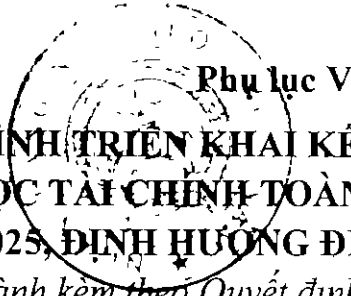
¹ Đối tượng áp dụng: Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng.

² Đơn vị chỉ báo cáo đối với các nhiệm vụ mà mình chủ trì tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch hành động

³ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố.

⁴ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁵ Đối với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tính cả phòng giao dịch bưu điện ✓



Phụ lục V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹: ...
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết): ...
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):

I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động²

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

STT	Tên nhiệm vụ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành)
I	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục I của Kế hoạch hành động		
II	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động		

II. Căn cứ kết quả công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá việc thực hiện của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với các nội dung sau:

1. Phát triển mô hình đại lý thanh toán³

Đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý thanh toán qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng đại lý được thành lập; tình hình phân bổ đại lý thanh toán ở thành thị/nông thôn,
- b. Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;

c. Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại về tài chính nhận được);

d. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh hoạt động đại lý thanh toán;

đ. Kết quả hoạt động đại lý thanh toán (số lượng và tổng giá trị giao dịch của dịch vụ đại lý thanh toán).

2. Phát triển các kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ thanh toán hiện đại dựa trên công nghệ số, đặc biệt là qua điện thoại di động

Đánh giá tình hình phát triển các kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ thanh toán hiện đại dựa trên công nghệ số qua một số chỉ tiêu/nội dung sau

a. Phát triển các kênh phân phối sử dụng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ thanh toán cho khách hàng;

b. Các biện pháp/công nghệ đã và đang ứng dụng để phát triển các kênh phân phối;

c. Tình hình hợp tác giữa ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức khác trong việc phát triển các kênh phân phối/các giải pháp thanh toán mới để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán thuận tiện, an toàn, phù hợp và dễ sử dụng.

3. Mở rộng độ bao phủ điểm cung ứng dịch vụ ở vùng nông thôn⁴, vùng sâu, vùng xa⁵

Đánh giá tình hình sắp xếp lại và mở rộng mạng lưới ATM và POS vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

a. Tổng số lượng ATM, POS trên toàn quốc; tốc độ tăng/giảm so với năm trước;

b. Số lượng và tổng giá trị giao dịch qua hệ thống ATM và POS.

4. Sử dụng mạng lưới bưu chính công cộng để cung cấp các dịch vụ tài chính cơ bản

Đánh giá tình hình sử dụng mạng lưới bưu chính công cộng để cung cấp các dịch vụ tài chính cơ bản qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

a. Số lượng điểm cung ứng dịch vụ tài chính, số lượng khách hàng, số lượng/tổng giá trị giao dịch phát sinh trong kỳ báo cáo;

b. Các dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng thực hiện qua mạng lưới bưu chính công cộng;

c. Tình hình hợp tác giữa mạng lưới bưu chính công cộng với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán;

d. Các biện pháp đã và đang triển khai để gia tăng việc sử dụng mạng lưới bưu chính công cộng để cung cấp các dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

5. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

Đánh giá tình hình tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua tối thiểu một số nội dung sau:

a. Tình hình đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội;

b. Tình hình phát triển và cung cấp các loại dịch vụ thanh toán, chuyên tiền để sử dụng và phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ)

IV. Công tác phối hợp trong việc triển khai nhiệm vụ

(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III, IV ở trên (nếu có);
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viên CLNH, NHNN

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng Vụ Thanh toán

² Đơn vị chỉ báo cáo đối với các nhiệm vụ mà mình chủ trì tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch hành động

³ Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý thanh toán được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý thanh toán

⁴ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố

⁵ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017)

Phụ lục VI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹:

- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):

I. Kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động²

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

STT	Tên nhiệm vụ	Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo	Khả năng hoàn thành theo dự kiến (Áp dụng đối với các nhiệm vụ có quy định thời hạn hoàn thành)
I	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục I của Kế hoạch hành động		
II	Các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động		

II. Căn cứ kết quả công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá việc thực hiện của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình cấp tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Đánh giá tình hình cấp tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

a. Tình hình rà soát cơ chế chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

b. Kết quả cấp tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

- Quy mô, tỷ trọng, tốc độ tăng trưởng tín dụng;
- Kết quả tín dụng góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

2. Đánh giá về tình hình cấp tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã

Đánh giá tình hình cấp tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

2.1. Tình hình cấp tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

- a. Cơ chế chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa của ngành Ngân hàng;
- b. Kết quả cấp tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (quy mô, tỷ trọng, tốc độ tăng trưởng).

2.2. Tình hình cấp tín dụng đối với hợp tác xã

- a. Cơ chế chính sách tín dụng đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã;
- b. Kết quả cấp tín dụng đối với hợp tác xã (quy mô, tỷ trọng, tốc độ tăng trưởng).

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ)

IV. Công tác phối hợp trong việc triển khai nhiệm vụ

(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III, IV ở trên (nếu có);
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viện CLNH, NHNN

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng: Vu Tín dụng các ngành kinh tế.

² Chỉ báo cáo đối với các nhiệm vụ mà mình chủ trì tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch hành động

Phụ lục VII

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~100~~ /QĐ-NHNN ngày 4 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc NHNN)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Thống kê số lượng xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính² (không tính điểm cung ứng dịch vụ tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội) tại địa bàn nông thôn

- Số lượng xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính trên tổng số xã/thị trấn trên địa bàn (không tính điểm cung ứng dịch vụ tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội);

- Số lượng xã/thị trấn **không** có điểm cung ứng dịch vụ tài chính trên tổng số xã/thị trấn trên địa bàn (không tính điểm cung ứng dịch vụ tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội);

- Số lượng xã/phường/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính trên tổng số xã/phường/thị trấn trên địa bàn (không tính điểm cung ứng dịch vụ tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội).

II. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các quỹ tín dụng nhân dân, đánh giá việc thực hiện của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn đối với các nội dung sau

(Yêu cầu. đánh giá đối với các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn và báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

1. Việc phát triển mô hình đại lý ngân hàng³

Đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau

a. Số lượng đại lý được thành lập; tình hình phân bổ đại lý ngân hàng của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

b. Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;

c. Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại về tài chính nhận được);

d. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh hoạt động đại lý ngân hàng;

đ. Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

2. Việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ

Đánh giá tình hình mở rộng độ bao phủ của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Số lượng quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn⁴;

- Số xã/thị trấn có quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên tổng số xã/thị trấn trên địa bàn (tính cho địa bàn nông thôn);

- Số xã/phường/thị trấn có quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên tổng số xã/phường/thị trấn trên địa bàn;

- Số xã/phường/thị trấn chỉ có quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân mà không có bất kỳ chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô (không tính Ngân hàng Chính sách xã hội) trên tổng số xã/phường/thị trấn trên địa bàn;

- Kết quả hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân (số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động; tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ).

3. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

Đánh giá tình hình phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện qua một số chỉ tiêu/nội dung sau.

a. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;

b. Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, chính sách ưu đãi);

c. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn⁵, vùng sâu, vùng xa⁶.

4. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá tình hình xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính qua một số nội dung sau

a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính

- Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;

- Nội dung chương trình;
- Hình thức triển khai;
- Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);
- Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.

b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

- Công bố thông tin;
- Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;
- Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về tài chính.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

IV. Công tác phối hợp

(Nêu thực trạng công tác phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai nhiệm vụ)

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III, IV ở trên (nếu có);
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viên CLNH, NHNN;
- CQTTGSNH, NHNN.

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố

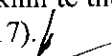
² Điểm cung ứng dịch vụ tài chính bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm phòng giao dịch bưu điện) của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, không tính Ngân hàng Chính sách xã hội. Xã/thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính là xã/thị trấn có một hoặc nhiều điểm cung ứng dịch vụ tài chính.

³ Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán)

⁴ Thống kê chi tiết mang lưới của quỹ tín dụng nhân dân (địa điểm nơi đặt quỹ tín dụng nhân dân, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân) trên địa bàn theo từng đơn vị hành chính xã/phường/thị trấn và từng đơn vị hành chính huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh trên bảng tính Excel và gửi kèm file định dạng .xls và .xlsx cùng với Phụ lục VII.

⁵ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố

⁶ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).



Phụ lục VIII

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-NHNN

ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

1. Việc phát triển đa dạng các kênh phân phối hỗ trợ cho mọi người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản một cách thuận tiện, với chi phí hợp lý

a. Phát triển mô hình đại lý ngân hàng²

Đánh giá việc triển khai mô hình đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Số lượng đại lý được thành lập; trong đó: số lượng đại lý ngân hàng được thành lập ở địa bàn nông thôn (đơn vị hành chính là xã/thị trấn) và số lượng đại lý ngân hàng được thành lập ở địa bàn thành thị (đơn vị hành chính là phường);

- Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;

- Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại tài chính nhận được);

- Các biện pháp đã và đang triển khai để phát triển mô hình đại lý ngân hàng;

- Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

b. Phát triển các kênh phân phối hiện đại³ dựa trên ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là qua điện thoại di động

Đánh giá việc phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Tình hình phát triển các kênh phân phối hiện đại để cung cấp sản phẩm, dịch vụ; số lượng kênh phân phối đang cung cấp tại các vùng nông thôn⁴, vùng sâu, vùng xa⁵;

- Các biện pháp đã và đang triển khai liên quan đến việc phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về phát triển các kênh phân phối hiện đại, về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro;

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai;

- Tình hình hợp tác với các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức khác trong việc phát triển các kênh phân phối, các giải pháp thanh toán mới để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chi phí thấp, thuận tiện, an toàn, phù hợp, dễ sử dụng phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

c. Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa

Đánh giá việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Tổng số lượng chi nhánh, phòng giao dịch, ATM, POS; tốc độ tăng/giảm so với năm trước⁶;

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch mở tại xã/thị trấn (tính cho địa bàn nông thôn);

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch mở tại xã/phường/thị trấn (tính trên toàn quốc);

- Tỷ lệ phần trăm chi nhánh, phòng giao dịch mở tại xã/thị trấn trên tổng số lượng chi nhánh, phòng giao dịch toàn hệ thống của đơn vị báo cáo;

- Các biện pháp đã và đang triển khai để mở rộng độ bao phủ chi nhánh, phòng giao dịch, ATM, POS ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

2. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

a. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

Đánh giá việc tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của tổ chức qua một số nội dung sau:

- Việc cung cấp tài khoản thanh toán không chịu phí duy trì tài khoản và số dư tài khoản tối thiểu, liên kết với thẻ ATM cho người về hưu, người hưởng

trợ cấp xã hội, người già, người nghèo, học sinh, sinh viên và những đối tượng yếu thế phù hợp khác;

- Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh việc thanh toán dịch vụ công, chi trả an sinh xã hội, thanh toán lương, thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

b. Phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

Đánh giá việc phát triển và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa:

+ Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;

+ Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi);

+ Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Các loại dịch vụ thanh toán, chuyên tiền dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;

+ Các dịch vụ tiêu biểu;

+ Nội dung dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, phí, chính sách ưu đãi);

+ Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại dịch vụ thanh toán, chuyên tiền dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Các loại sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có lãi suất hợp lý;

+ Các sản phẩm tiêu biểu;

+ Nội dung sản phẩm tiêu biểu (thủ tục, lãi suất cho vay, chính sách ưu đãi);

+ Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có lãi suất hợp lý.

- Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn;

+ Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;

+ Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi);

+ Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn.

- Các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh.

+ Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;

+ Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi);

+ Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh.

3. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá tình hình xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính qua một số nội dung sau:

a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính

- Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;

- Nội dung chương trình;

- Hình thức triển khai;

- Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);

- Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.

b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

- Công bố thông tin;

- Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;

- Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về tài chính;

- Bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

III. Đề xuất, kiến nghị⁷

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II ở trên;

- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viên CLNH, NHNN,
- CQTTGSNH, NHNN.

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..
(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính)

² Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán)

³ Kênh phân phối hiện đại bao gồm ATM, POS, Mobile Banking, Internet Banking, khác (liệt kê nếu có)

⁴ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố

⁵ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁶ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thống kê cả phòng giao dịch bưu điện. Không yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng đánh giá các nội dung liên quan đến phát triển ATM, POS

⁷ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Chiến lược/Kế hoạch hành động hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược/Kế hoạch hành động nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước

Phụ lục IX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc NHNN)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

1. Việc phát triển mô hình đại lý ngân hàng²

Đánh giá việc triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng đại lý được thành lập; tình hình phân bổ đại lý ngân hàng trên các địa bàn;
- b. Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;
- c. Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại về tài chính nhận được);
- d. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh hoạt động đại lý ngân hàng;
- đ. Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

2. Việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ

Đánh giá việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ của quỹ qua một số chỉ tiêu/nội dung sau.

- Thống kê chi tiết mạng lưới của quỹ (địa điểm nơi đặt quỹ, phòng giao dịch của quỹ) theo từng đơn vị hành chính xã/phường/thị trấn và từng đơn vị hành chính huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh trên bảng tính Excel và gửi kèm file định dạng .xls hoặc .xlsx cùng với Phụ lục IX;

- Số lượng xã/thị trấn có đặt trụ sở quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân (tính cho địa bàn nông thôn);

- Số lượng xã/phường/thị trấn có đặt trụ sở quỹ tín dụng nhân dân/phòng giao dịch của quỹ;

- Kết quả hoạt động của quỹ (số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ).

3. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

Đánh giá việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện qua một số nội dung sau:

a. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;

b. Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, chính sách ưu đãi);

c. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn³, vùng sâu, vùng xa⁴.

4. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính qua một số nội dung sau:

a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính

- Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;

- Nội dung chương trình;

- Hình thức triển khai;

- Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);

- Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.

b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính

- Công bố thông tin;

- Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;

- Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp tài chính.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai



(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

III. Đề xuất, kiến nghị⁵

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II ở trên;
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố nơi QTDND đặt trụ sở

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng Quỹ tín dụng nhân dân

² Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán)

³ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố.

⁴ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁵ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Chiến lược/Kế hoạch hành động hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược/Kế hoạch hành động nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước.

Phụ lục X

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

1. Việc phát triển mô hình đại lý ngân hàng²

Đánh giá việc triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (nếu có) qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- a. Số lượng đại lý được thành lập; Tình hình phân bổ đại lý ngân hàng trên các địa bàn;
- b. Các dịch vụ cung cấp qua đại lý;
- c. Chất lượng dịch vụ cung cấp (sự thuận tiện khi giao dịch qua đại lý, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng liên quan đến các dịch vụ do đại lý cung cấp trên tổng khiếu nại về tài chính nhận được);
- d. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh hoạt động đại lý ngân hàng;
- đ. Kết quả hoạt động đại lý ngân hàng (số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thông qua đại lý, doanh thu từ phí dịch vụ).

2. Việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ

Đánh giá việc mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng dịch vụ của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau:

- Thống kê chi tiết mạng lưới của tổ chức (địa điểm nơi đặt trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, tổ/điểm giao dịch của tổ chức) theo từng đơn vị hành chính xã/phường/thị trấn và từng đơn vị hành chính huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh trên bảng tính Excel và gửi kèm file định dạng .xls hoặc .xlsx cùng với Phụ lục X;

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch, tổ/điểm giao dịch;
- Số lượng xã/thị trấn có chi nhánh, phòng giao dịch;
- Kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (số lượng khách hàng, tổng dư nợ cho vay, tổng huy động, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ).

3. Việc phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện

- a. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu;
- b. Nội dung sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu (thủ tục, chính sách ưu đãi);
- c. Các biện pháp đã và đang triển khai để đẩy mạnh phát triển các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính linh hoạt phù hợp với người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ ở vùng nông thôn³, vùng sâu, vùng xa⁴.

4. Việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính

Đánh giá việc xây dựng, triển khai các chương trình tăng cường kiến thức tài chính và tuân thủ các quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính của tổ chức qua một số nội dung sau:

- a. Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính
 - Số lượng chương trình đã được xây dựng và triển khai;
 - Nội dung chương trình;
 - Hình thức triển khai;
 - Kết quả (số lượng người tham gia các chương trình nâng cao hiểu biết tài chính);
 - Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính.
- b. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính
 - Công bố thông tin;
 - Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ;
 - Minh bạch hóa cách tiếp cận và giải quyết tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính;
 - Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp tài chính.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

III. Đề xuất, kiến nghị⁵



- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục II ở trên;
- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);
- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viên CLNH, NHNN;
- CQTGSNH, NHNN.

... .., ngày... .. tháng... ..năm... ..
(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng: các tổ chức tài chính vi mô được cấp phép.

² Việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán) được thực hiện sau khi ban hành Quy định về đại lý ngân hàng (đại lý thanh toán).

³ Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố

⁴ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017)

⁵ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Chiến lược/Kế hoạch hành động hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược/Kế hoạch hành động nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước.

Phụ lục XI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

- Tên đơn vị¹:
- Đầu mối liên hệ (Họ tên, điện thoại, email):
- Năm báo cáo/Giai đoạn báo cáo (đối với báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết):

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch hành động

(Yêu cầu: báo cáo có so sánh với kết quả thực hiện của kì báo cáo trước)

1. Về việc đẩy mạnh thanh toán qua thiết bị di động, phát triển mạnh các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, tài chính số cho người dân sống ở vùng nông thôn², vùng sâu, vùng xa³

Đánh giá việc phát triển các kênh/công thanh toán hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số của tổ chức qua một số chỉ tiêu/nội dung sau

- Số lượng kênh/công thanh toán đang cung cấp trên toàn quốc, số lượng kênh/công thanh toán đang cung cấp tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
- Tổng số lượng điểm nạp/rút tiền mặt; số lượng điểm nạp/rút tiền mặt tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa (xã/thị trấn);
- Tổng số lượng điểm chấp nhận thanh toán; số lượng điểm chấp nhận thanh toán tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa (xã/thị trấn);
- Các biện pháp đã và đang triển khai để phát triển các kênh thanh toán hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số.

2. Về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

Đánh giá việc tạo điều kiện cho những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của tổ chức qua một số nội dung sau:

- Thanh toán hóa đơn định kỳ, hàng hóa, dịch vụ qua công thanh toán/ví điện tử:

+ Số lượng ví điện tử được mở, số lượng ví điện tử mở tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và tỷ lệ ví điện tử mở tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa trên tổng số lượng ví điện tử được mở;

+ Số lượng và giá trị giao dịch qua ví điện tử, số lượng và giá trị giao dịch qua ví điện tử của khách hàng sống tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;

+ Số lượng và giá trị giao dịch qua ví điện tử sử dụng để thanh toán hóa đơn điện, nước, viễn thông, truyền hình, học phí, viện phí;

+ Số dư bình quân của một ví điện tử.

- Việc hợp tác với các ngân hàng, tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức cung ứng dịch vụ công (Kho bạc, Thuế, Hải quan, cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện), tổ chức cung ứng dịch vụ tiện ích (viễn thông, điện, nước, truyền hình) và các tổ chức khác trong việc phát triển các giải pháp thanh toán phù hợp với các giao dịch thanh toán cá nhân.

3. Về việc hoàn thiện hạ tầng thanh toán

Đánh giá việc tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử để tạo niềm tin cho công chúng và bảo vệ người tiêu dùng tài chính của tổ chức qua một số nội dung sau:

- Các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ thông tin đã triển khai;

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu về phát triển các kênh/cổng thanh toán hiện đại, về quản trị, điều hành và quản lý rủi ro.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

(Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai)

IV. Đề xuất, kiến nghị⁴

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu tại mục III ở trên;

- Kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch hành động (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị khác liên quan.

Nơi nhận:

- Viện CLNH, NHNN.

... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

(Người ký Báo cáo)

Ghi chú:

¹ Đối tượng áp dụng Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

² Nông thôn là khu vực địa giới hành chính xã và thị trấn, không bao gồm phường thuộc thị xã, quận và thành phố.

³ Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển (Theo quy định tại Nghị định số 114/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017).

⁴ Đề nghị chỉ đưa vào báo cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Chiến lược/Kế hoạch hành động hoặc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược/Kế hoạch hành động nhưng chưa được đề cập tại các báo cáo khác đã gửi Ngân hàng Nhà nước